

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Đào tạo trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2007/QĐ-BGDĐT

ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định đào tạo trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy bao gồm: tổ chức đào tạo; đánh giá học phần, thi kết thúc học phần và thi tốt nghiệp; điều kiện công nhận, xếp loại và cấp bằng tốt nghiệp.

2. Quy chế này áp dụng cho các trường trung cấp chuyên nghiệp, các trường đại học, cao đẳng và các cơ sở giáo dục có đào tạo trung cấp chuyên nghiệp (sau đây gọi tắt là các trường) thực hiện chương trình giáo dục trung cấp chuyên nghiệp theo nòng cốt kết hợp với học phần.

3. Đào tạo trung cấp chuyên nghiệp theo hình thức tách lý thuyết chỉ thực hiện theo quy định của Quy chế đào tạo theo tín chỉ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Điều 2. Chương trình giáo dục trung cấp chuyên nghiệp

1. Chương trình giáo dục trung cấp chuyên nghiệp (sau đây gọi tắt là chương trình) thể hiện mục tiêu giáo dục trung cấp chuyên nghiệp; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi môn học, ngành học, trình độ đào tạo của giáo dục trung cấp chuyên nghiệp trong toàn khóa học; bảo đảm yêu cầu liên thông với các chương trình giáo dục khác.

2. Chương trình được các trường xây dựng trên cơ sở chương trình khung trung cấp chuyên nghiệp do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Mỗi chương trình khung tương ứng với một ngành đào tạo cụ thể.

3. Chương trình được cấu trúc từ các học phần thuộc các khối kiến thức, kỹ năng: khối kiến thức các môn văn hóa (đối với đối tượng tốt nghiệp trung học cơ sở); khối kiến thức các môn chung; khối kiến thức, kỹ năng các môn cơ sở và chuyên môn.

Điều 3. Đơn vị học trình và học phần

1. Đơn vị học trình là đơn vị được dùng để tính khối lượng học tập của học sinh. Một đơn vị học trình được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; bằng 30 - 45 tiết thực hành, thảo luận, thí nghiệm; bằng 45 - 60 giờ thực tập, thực tập tốt nghiệp. Một tiết học lý thuyết, thực hành có thời lượng 45 phút.

2. Học phần là khối lượng kiến thức, kỹ năng tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho người học tích lũy kiến thức trong quá trình học tập. Học phần có khối lượng từ 2 đến 5 đơn vị học trình, được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần tương ứng với một mức trình độ và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc các phần trong tổ hợp của nhiều môn học.

3. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

a) Học phần bắt buộc là những học phần chứa đựng nội dung kiến thức chủ yếu của mỗi chương trình, bắt buộc học sinh phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn là những học phần chứa đựng nội dung kiến thức cần thiết, học sinh được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình;

Hiệu trưởng các trường hoặc Thủ trưởng các cơ sở giáo dục có đào tạo trung cấp chuyên nghiệp (sau đây gọi chung là Hiệu trưởng) quy định cụ thể số tiết, số giờ đối với từng học phần phù hợp với đặc điểm của trường.

Điều 3: Đơn vị học trình và học phần:

(Theo quy định trong chương trình đào tạo TCCN được Hiệu trưởng phê duyệt).

Chương II

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 4. Khối lượng kiến thức, kỹ năng và thời gian đào tạo

1. Khối lượng kiến thức, kỹ năng và thời gian đào tạo trung cấp chuyên nghiệp tùy thuộc vào đối tượng tuyển sinh và ngành đào tạo, cụ thể:

a) Thực hiện từ ba đến bốn năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, với khối lượng kiến thức, kỹ năng đào tạo từ 160 đến 190 đơn vị học trình, trong đó phần nội dung giáo dục chuyên nghiệp có tỷ lệ thời lượng dành cho dạy thực hành, thực tập chiếm từ 50 % đến 75 %;

b) Thực hiện trong hai năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương, với khối lượng kiến thức, kỹ năng đào tạo từ 95 đến 105 đơn vị học trình, trong đó phần nội dung giáo dục chuyên nghiệp có tỷ lệ thời lượng dành cho dạy thực hành, thực tập chiếm từ 50 % đến 75 %;

c) Thực hiện từ một đến một năm rưỡi đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương) đồng thời có bằng tốt nghiệp ngành khác, trình độ trung cấp chuyên nghiệp trở lên, hoặc có chứng chỉ tốt nghiệp sơ cấp trở lên của giáo dục nghề nghiệp (có thời gian đào tạo từ một năm trở lên và cùng nhóm ngành học), với khối lượng kiến thức, kỹ năng đào tạo từ 50 đến 75 đơn vị học trình, trong đó phần nội dung giáo dục chuyên nghiệp có tỷ lệ thời lượng dành cho dạy thực hành, thực tập chiếm từ 50 % đến 75 %.

d) Thời gian tối đa hoàn thành chương trình bao gồm thời gian quy định cho chương trình giáo dục quy định tại mục a, b, c điều này cộng với thời gian tối đa học sinh được phép tạm ngừng học quy định tại khoản 3 Điều 5 và khoản 2 Điều 6 của quy chế này.

2. Tổ chức đào tạo

Các trường tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ.

a) Thời gian của một khoá học được tính từ khi nhập học đến khi hoàn thành chương trình đào tạo. Khóa học được thiết kế theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và từ 2 đến 3 tuần thi. Mỗi tuần khung bố trí quỏ 30 tiết lý thuyết. Thời gian thực hành, thực tập, thực tập tốt nghiệp được tính theo giờ, mỗi ngày không bố trí quá 8 giờ. Ngoài hai học kỳ chính, Hiệu trưởng có thể tổ chức thêm một học kỳ phụ để học sinh có các học phần bị đánh giá không đạt ở trong năm học được học lại và thi lại.

c) Căn cứ các chương trình đào tạo, hiệu trưởng lập kế hoạch phân bổ số học phần cho từng năm học, từng học kỳ.

Đầu khoá học, nhà trường phải thông báo cho học sinh về quy chế đào tạo; nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình đào tạo; nội dung chương trình đào tạo cho từng học kỳ; danh sách các học phần bắt buộc và học phần tự chọn, lịch thi, hình thức thi các học phần; quyền lợi và nghĩa vụ của học sinh;

Trước khi bắt đầu một kỳ học, học sinh phải đăng ký với nhà trường các học phần tự chọn trong học kỳ này. Những học sinh không đăng ký học các học phần tự chọn thờ phải học theo các học phần do nhà trường bố trí.

Điều 4: Khối lượng kiến thức, kỹ năng và thời gian đào tạo:

Khoản 1: Khối lượng kiến thức, kỹ năng:

Căn cứ vào khối lượng kiến thức quy định cho các chương trình đào tạo, Hiệu trưởng phân bổ số học phần cho từng năm học, học kỳ.

Thời gian, kế hoạch và quy chế đào tạo trong trường được Hiệu trưởng quy định ở từng chương trình đào tạo và được công bố đầu khoá học và đầu năm học thông qua tuần sinh hoạt công dân –HSSV đầu khoá (đối với HS năm thứ nhất).

Khoản 2: Tổ chức đào tạo: Một năm học có hai học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Mỗi tuần không bố trí quá 30 tiết lý thuyết. Thời gian thực hành, thực tập, thực tập tốt nghiệp được tính theo giờ, mỗi ngày không bố trí quá 8 giờ. Ngoài hai học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm một học kỳ hè để HS có các học phần bị đánh giá không đạt ở các học kỳ chính được học lại và thi lại. Mỗi học kỳ hè có ít nhất 5 tuần thực học và một tuần thi.

Hàng năm các khoa theo dõi, thống kê số lượng HS còn nợ sau 2 lần thi kết thúc học phần. Xét thấy cần phải tổ chức kỳ hè, đầu HK2 của năm học, các khoa cho HS đăng ký và đề nghị phòng Đào tạo xem xét trình hiệu trưởng quyết định.

HS tham gia kỳ học hè (HS có các HP bị đánh giá không đạt) tự túc kinh phí đào tạo.

Khoa công bố đề cương chi tiết các học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi; tổ chức cho HS đăng ký HP tự chọn (nếu có).

Điều 5. Điều kiện để học sinh được học tiếp, được nghỉ học tạm thời, được tạm ngừng tiến độ học tập hoặc bị buộc thôi học.

Cuối mỗi năm học, nhà trường căn cứ vào số học phần đó học, điểm trung bình chung học tập của học sinh trong năm học đó, điểm của tất cả các học phần đó học tính từ đầu khóa học và kết quả rèn luyện của học sinh trong năm học đó để xét việc cho học sinh được học tiếp, được nghỉ học tạm thời, tạm ngừng tiến độ học hoặc bị buộc thôi học.

1. Học sinh được học tiếp lên năm học sau nếu có đủ các điều kiện dưới đây:

- a) Có điểm trung bình chung học tập của năm học đạt từ 5,0 trở lên;
- b) Có khối lượng các học phần bị điểm dưới 5 tính từ đầu khóa học đến thời điểm xét không quá 20 đơn vị học trình;
- c) Không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập cú thời hạn hoặc bị buộc thôi học.

2. Học sinh có thể làm đơn đề nghị nhà trường cho phép được nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đó học trong các trường hợp sau:

a) Bị ốm đau hoặc bị tai nạn buộc phải điều trị thời gian dài có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;

b) Vỡ nhu cầu cơ nhỡn. Trường hợp này, học sinh phải học ít nhất một học kỳ ở trường và phải đạt điểm trung bình chung các học phần tính từ đầu khóa học đến thời điểm xét không dưới 5,0. Thời gian nghỉ học tạm thời vỡ nhu cầu cơ nhỡn phải được tính vào thời gian học chính thức tại trường của học sinh quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 của Quy chế này.

Các trường hợp nghỉ học tạm thời khi muốn được trở lại tiếp tục học tập phải gửi đơn tới Hiệu trưởng nhà trường ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới hoặc năm học mới.

Điều 5:

Khoản 2 điểm a&b:

a. HS xin nghỉ học tạm thời và được bảo lưu kết quả học tập trong trường hợp ốm đau, tai nạn phải điều trị lâu dài phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên.

b. HS xin nghỉ học tạm thời khi muốn trở lại học tiếp tại trường phải gửi đơn và hồ sơ liên quan, khoa có ý kiến và ghi rõ vào lớp học và chuyển phòng Công tác HSSV xem xét trình Hiệu trưởng ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới hay năm học mới.

3. Học sinh không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 4 của Điều này được quyền tạm ngừng tiến độ học tập để có thời gian củng cố kiến thức, cải thiện kết quả học tập.

a) Học sinh không thuộc đối tượng ưu tiên trong đào tạo được quyền tạm ngừng tiến độ học để củng cố kiến thức không quá hai năm trong toàn khoá học đối với các chương trình có thời gian đào tạo từ ba đến bốn năm học, không quá một năm đối với các chương trình có thời gian đào tạo từ một đến hai năm học.

b) Trong thời gian ngừng học, học sinh phải đăng ký học lại các học phần chưa đạt yêu cầu nêu là học phần bắt buộc; đăng ký học lại hoặc có thể đăng ký học chuyển qua học phần mới nếu là học phần tự chọn và đảm bảo điều kiện tiên quyết theo quy định tại chương trình khung trung cấp chuyên nghiệp do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Hiệu trưởng xem xét bố trí cho các học sinh này được học một số học phần của năm học tiếp theo nếu họ đề nghị.

4. Học sinh bị buộc thôi học nếu rơi vào một trong các trường hợp dưới đây:

a) Có điểm trung bình chung học tập của năm học dưới 4,0;

b) Có điểm trung bình chung tất cả các học phần tính từ đầu khoá học dưới 4,5;

c) Đã hết thời gian tối đa được phép học tại trường theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 của Quy chế này;

d) Vi phạm kỷ luật ở mức buộc thôi học.

Nếu nhà trường có các chương trình đào tạo ở các trình độ thấp hơn và học sinh có nguyện vọng thì Hiệu trưởng xem xét quyết định cho những học sinh này được chuyển sang học các chương trình đó và được bảo lưu kết quả học tập đối với những học phần có thời lượng và nội dung tương đương, đồng thời có kết quả điểm học phần đạt từ 5,0 trở lên khi học ở các chương trình mới. Hiệu trưởng quyết định việc bảo lưu kết quả học tập trong từng trường hợp cụ thể.

Những trường hợp học sinh bị buộc thôi học, nhà trường phải thông báo về địa phương (nơi học sinh có hộ khẩu thường trú) và gia đình chậm nhất 15 ngày kể từ ngày ký quyết định.

5. Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng để xét cho học sinh được học tiếp, nghỉ học tạm thời, tạm ngừng tiến độ học hoặc bị buộc thôi học. Số lượng, thành phần của Hội đồng do Hiệu trưởng quy định.

Khoản 4. HS buộc thôi học nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- Có điểm TBC-HT của năm học dưới 4.0;

- Có điểm TBC tất cả các HP tính từ đầu khoá học dưới 4.5;

- Đã hết thời gian tối đa được phép học tại trường theo quy định tại điểm d khoản 1 điều 4 của quy chế 40;

- Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 điều 20 của quy chế 40;

Điều 6. Ưu tiên trong đào tạo

1. Cỗ đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo đối tượng quy định tại Quy chế tuyển sinh trung cấp chuyên nghiệp hiện hành được hưởng chế độ ưu tiên trong đào tạo.

2. Học sinh thuộc đối tượng ưu tiên trong đào tạo được tạm ngừng tiến độ học không quá ba năm trong toàn khóa học đối với các chương trình cú thời gian đào tạo từ ba đến bốn năm học; không quá hai năm cho toàn khóa học đối với các chương trình cú thời gian đào tạo từ một đến hai năm học.

3. Trong thời gian tạm ngừng tiến độ học tập để học lại các học phần chưa đạt yêu cầu, học sinh thuộc đối tượng ưu tiên trong đào tạo vẫn được hưởng các chế độ ưu đãi của Nhà nước.

Điều 7. Điều kiện, thủ tục chuyển trường

1. Học sinh được chuyển trường nếu có các điều kiện dưới đây:

a) Trường xin chuyển đến có đào tạo ngành học mà học sinh đang theo học ở trường xin chuyển đi và có cùng hỡnh thức tuyển sinh;

b) Điểm thi tuyển sinh hoặc điểm xét tuyển đầu vào không thấp hơn điểm chuẩn (thi tuyển hoặc xét tuyển) của trường chuyển đến;

c) Đó hoàn thành ớt nhất một kỳ học;

d) Có đơn xin chuyển trường và được hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến đồng ý.

2. Học sinh bị kỷ luật từ hỡnh thức cảnh cáo trở lờn đang trong thời gian rèn luyện thử thách không được chuyển trường.

3. Học sinh chuyển trường được chứng nhận và bảo lưu kết quả học tập đó đạt được ở trường cũ.

4. Thủ tục chuyển trường:

a) Học sinh xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của nhà trường;

b) Hiệu trưởng trường có học sinh xin chuyển đến quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận, quyết định việc học tiếp tục của học sinh như: năm học, số học phần mà học sinh chuyển đến trường phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

Điều 7. Điều kiện, thủ tục chuyển trường

Khoản 4, điểm b. Hiệu trưởng quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận HS xin chuyển đến, quyết định việc học tiếp tục của HS như: năm học, số HP trường mà HS chuyển đến trường phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến. HS được chuyển đến ĐHHĐ với điều kiện ngành học, bậc học ở trường cho chuyển đi tương thích với ngành học của Trường, HS phải học bù và đóng KP đào tạo đối với những HP phải học bù.

Chương III
ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN,
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN VÀ THI TỐT NGHIỆP

Điều 8. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Cuối mỗi học kỳ, nhà trường tổ chức 2 lần thi để kết thúc các học phần. Những học sinh không tham dự lần thi thứ nhất hoặc có điểm học phần dưới 5 ở lần thi thứ nhất sẽ được dự thi lần thứ hai. Lần thi thứ hai trong học kỳ đó được tổ chức sớm nhất là 2 tuần sau lần thi thứ nhất.

Học sinh nghỉ học quá 20% số tiết quy định cho mỗi học phần thờ khụng được dự thi kết thúc học phần lần thứ nhất. Những học sinh này sau khi tham gia học bổ sung đủ nội dung kiến thức cũn thiếu của học phần đó thờ được dự thi kết thúc học phần ở lần thi thứ hai, trong đó những học sinh nghỉ học có lý do chính đáng thờ Hiệu trưởng xem xét quyết định tính là thi lần đầu. Học sinh khụng tham gia học bổ sung nội dung kiến thức cũn thiếu của học phần do nghỉ học quá thời gian theo quy định mà không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0 để tính là điểm thi kết thúc học phần của học phần đó.

Những học sinh nghỉ học quá 20% số tiết quy định cho mỗi học phần nói trên chỉ cũn được dự thi kết thúc học phần một lần nữa (nếu có) tại các kỳ thi kết thúc học phần tổ chức cho học sinh lớp khác hoặc các khóa học sau.

2. Học sinh vắng mặt trong buổi thi kết thúc học phần lần thứ nhất nếu không có lý do chính đáng thờ phải nhận điểm 0 để tính là điểm thi kết thúc học phần ở lần thi đó và chỉ được dự thi kết thúc học phần một lần nữa do nhà trường tổ chức ở lần thi thứ hai. Nếu vắng mặt có lý do chính đáng thờ Hiệu trưởng xem xét quyết định cho dự thi khi nhà trường tổ chức thi lần thứ hai nhưng vẫn tính là thi lần thứ nhất và cũn được dự thi một lần nữa (nếu có) tại các kỳ thi kết thúc học phần tổ chức cho học sinh lớp khác hoặc các khóa học sau.

3. Trường hợp sau hai lần thi mà vẫn đạt điểm dưới 5,0 thờ học sinh phải đăng ký học lại học phần này và số lần được dự thi kết thúc học phần được áp dụng như quy định tại khoản 1 Điều này. Hiệu trưởng bố trí thời gian học lại và hoàn thành việc thi lại cho học sinh trước khi xét điều kiện dự thi tốt nghiệp.

4. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần phụ thuộc vào số đơn vị học trõnh của học phần đó. Hiệu trưởng quy định cụ thể thời gian ôn thi và thi trong kế hoạch thời gian dành cho thi ở mỗi học kỳ. Thời gian làm bài thi kết thúc học phần đối với mỗi bài thi viết tự luận từ 90 phút đến 120 phút, đối với mỗi bài thi trắc nghiệm từ 45 phút đến 60 phút. Đối với các môn học đặc thù, thời gian thi kết thúc học phần do Hiệu trưởng quy định.

Điều 8. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

Khoản 1: Cuối mỗi học kỳ, nhà trường tổ chức 2 lần thi để kết thúc các học phần. Điều kiện HS được dự thi kết thúc HP:

- Phải tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp đối với HS theo tiến độ của chương trình quy định.

- Từ 2-3 DVHT của mỗi HP phải có ít nhất 1 điểm kiểm tra thường xuyên và 1 điểm kiểm tra định kỳ cho mỗi HS.

Điều 9. Đánh giá học phần

1. Tùy theo từng học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ và điểm thi kết thúc học phần.

Điểm kiểm tra thường xuyên là điểm kiểm tra đầu giờ hoặc trong giờ lên lớp, kiểm tra thực hành hoặc kiểm tra viết với thời gian dưới 45 phút.

Điểm kiểm tra định kỳ là điểm kiểm tra hết chương, kiểm tra bài thực hành, thực tập hoặc từng phần chính của học phần, thời gian từ 45 phút trở lên.

Điểm thi kết thúc học phần là điểm thi để kết thúc học phần do nhà trường tổ chức vào cuối mỗi học kỳ.

2. Điểm học phần là trung bình cộng của điểm thi kết thúc học phần và điểm trung bình các điểm kiểm tra.

Điểm trung bình các điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm, trong đó điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2.

3. Việc lựa chọn hình thức kiểm tra, số lần kiểm tra do Hiệu trưởng quy định và phải được công bố công khai cho học sinh biết trước khi vào học học phần nhưng phải đảm bảo cứ từ hai đến ba đơn vị học trở lên của mỗi học phần phải có ít nhất 1 điểm kiểm tra thường xuyên và 1 điểm kiểm tra định kỳ cho mỗi học sinh. Học sinh vắng mặt trong các lần kiểm tra mà không có lý do chính đáng thì phải nhận điểm 0 (không) ở lần kiểm tra đó.

4. Giáo viên giảng dạy trực tiếp ra đề, tổ chức kiểm tra và chấm các bài kiểm tra của học phần.

Điều 9. Đánh giá học phần

Khoản 1:

Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được tính vào các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ và điểm thi kết thúc học phần.

- Điểm kiểm tra thường xuyên là điểm kiểm tra đầu giờ hoặc trong giờ lên lớp, kiểm tra thực hành hoặc kiểm tra viết với thời gian dưới 45 phút.

- Điểm kiểm tra định kỳ là điểm kiểm tra hết chương, kiểm tra bài thực hành, thực tập hoặc từng phần chính của học phần, thời gian từ 45 phút trở lên.

- Điểm thi kết thúc học phần là điểm thi để kết thúc học phần do nhà trường tổ chức vào cuối mỗi học kỳ.

Khoản 2: Điểm học phần là trung bình cộng của điểm thi kết thúc học phần và điểm trung bình các điểm kiểm tra.

Điểm trung bình các điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm, trong đó điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2.

Học sinh vắng mặt trong các lần kiểm tra mà không có lý do chính đáng thờ phải nhận điểm 0 (không) ở lần kiểm tra đó.

Khoản 4. Giáo viên giảng dạy trực tiếp ra đề, tổ chức kiểm tra và chấm các bài kiểm tra của học phần.

Điều 10. Ra đề thi, hỡnh thức thi, chấm thi kết thỳc học phần

1. Nội dung đề thi phải phù hợp với nội dung kiến thức cơ bản của học phần đó quy định trong chương trỡnh. Quy trỡnh ra đề thi kết thúc học phần do Hiệu trưởng quy định.

2. Hỡnh thức thi kết thỳc học phần cú thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, thực hành, hoặc kết hợp giữa các hỡnh thức trờn. Hiệu trưởng quyết định các hỡnh thức thi thích hợp cho từng học phần và thông báo công khai cho học sinh biết từ đầu năm học.

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần đối với các bài thi viết chỉ được thực hiện sau khi đó rọc phỏch bài thi. Kết quả chấm thi viết phải được công bố chậm nhất là 10 ngày sau khi thi.

Hiệu trưởng quy định quy trỡnh chấm thi, thống nhất cỏch cho điểm bài thi, bảo quản và lưu giữ các bài thi viết sau khi chấm. Thời gian lưu giữ các bài thi viết sau khi chấm ít nhất là sau khi kết thúc khoá học.

Điều 10. Ra đề thi, hỡnh thức thi, chấm thi kết thỳc học phần

Khoản 1. Nội dung đề thi phải phù hợp với nội dung kiến thức cơ bản của học phần đó quy định trong chương trỡnh. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi (NHĐT) được thực hiện như sau:

Việc ra đề thi kết thúc HP đối với những HP chưa có ngân hàng đề thi:

- Trưởng Bộ môn phân công giảng viên theo đúng chuyên ngành chuẩn bị đề thi, đáp án và thang điểm. Trưởng bộ môn duyệt đóng gói, niêm phong thành từng cặp đề- đáp án thang điểm, đánh số và nạp về phòng KĐCL-TTGD trước buổi thi 5 ngày.

- Đề thi phải phù hợp với chương trình đào tạo đã ban hành, đáp ứng được yêu cầu kiểm tra đánh giá theo mục tiêu của HP. Đề thi phải tương đương nhau, không trùng nhau ở mỗi bộ đề thi.

- Số lượng đề thi, đáp án: 1 bộ đề thi viết gồm 3 đề thi và 3 đáp án ; 1 bộ đề thi vấn đáp gồm 15 đề thi và đáp án đối với HP có 2 ĐVHT, 20-25 đề và đáp án đối với HP có 3-4 ĐVHT, 30 đề và đáp án đối với HP có 5 ĐVHT.

Đề thi lấy từ ngân hàng đề thi : Phòng KĐCL-TTGD phân công CB tổ hợp đề thi từ NHĐT theo hình thức bốc thăm ngẫu nhiên và đóng gói, niêm phong, nạp đề thi- đáp án cho CB phụ trách nhân bản theo quy định.

Bộ ngân hàng câu hỏi thi (NHĐT) gồm câu hỏi và đáp án, được xây dựng phù hợp mục tiêu, yêu cầu của từng HP, bao quát được nội dung chương trình của HP. NHĐT phải kiểm tra, đánh giá được mức độ hiểu biết về nội dung, kiến thức, kỹ năng thực hành, khả năng vận dụng của HS.

Bộ NHĐT phải được chia thành các nội dung (mỗi HP không dưới 3 loại nội dung) tương ứng với một thời lượng nhất định. Số lượng câu hỏi là 10 câu cho mỗi loại nội dung (mỗi câu có thể có nhiều ý nhỏ khác nhau), ở mỗi loại nội dung, câu hỏi có mức độ khó dễ, điểm số và thời gian làm bài cho các câu hỏi cùng một loại phải như nhau. Số lượng câu hỏi của đề thi phụ thuộc vào số lượng nội dung được chia của HP, thang điểm 10 toàn bài. Trong một đề thi mỗi loại nội dung chỉ có một câu; điểm của mỗi câu thuộc một nhóm nội dung phải tỷ lệ thuận với thời lượng nội dung đó so với tổng số tiết của HP.

- Việc xây dựng NHĐT do các Bộ môn thực hiện trên cơ sở đăng ký với nhà trường qua phòng Đào tạo, phòng KĐCL-TTGD từ đầu năm học. Sau khi xây dựng xong , Bộ môn tổ chức nghiệm thu và nạp NHĐT (câu hỏi, đáp án, thang điểm) về phòng KĐCL-TTGD bằng bản in và đĩa mềm. Bộ môn và cá nhân thực hiện bảo mật theo quy định bảo mật đề thi, đáp án.

2. Hình thức thi kết thúc học phần cụ thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, thực hành, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hình thức thi được quy định ở đề cương chi tiết HP. Vào đầu năm học mới, Trưởng môn đề nghị, khoa có ý kiến về hình thức thi thích hợp, báo cáo phòng Đào tạo xem xét trình Hiệu trưởng quyết định.

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần đối với các bài thi viết chỉ được thực hiện sau khi đó rọc phách bài thi phải do hai giảng viên đảm nhiệm. Kết quả chấm thi viết phải được công bố chậm nhất sau 01 tuần, kể từ ngày thi. Nếu

điểm bài thi kết thúc HP đạt dưới 4.0 thì HP đó không đạt yêu cầu và HS phải thi lại hoặc học lại.

Các bài thi HP do lãnh đạo khoa, BM trực thuộc hoặc uỷ quyền cho trợ lý Giáo vụ đánh phách, đọc phách, tổ chức cho các BM chấm thi, lên điểm theo quy định và lưu giữ bài thi ở khoa, BM trực thuộc. Thời gian lưu giữ các bài thi viết, thực hành... sau khi chấm ít nhất là 2 năm. Bảng điểm thi HP của các lớp phải lưu trữ lâu dài tại khoa và phòng Đào tạo.

4. Việc chấm thi vấn đáp và chấm thi thực hành phải thực hiện theo mẫu phiếu chấm thi quy định, trong đó tương ứng với mỗi nội dung đánh giá, giáo viên phải ghi ý kiến nhận xét, điểm từng phần và điểm tổng vào phiếu chấm thi. Điểm thi vấn đáp được công bố sau mỗi buổi thi khi hai giáo viên chấm thi thống nhất được điểm chấm. Hiệu trưởng quy định nội dung, hình thức của mẫu phiếu chấm thi đối với các môn thi vấn đáp, thực hành.

5. Các điểm thi kết thúc học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của trường, có chữ ký của hai giáo viên chấm thi và cú xỏ nhận của trưởng bộ môn hoặc trưởng khoa. Bảng điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải được quản lý và lưu giữ tại bộ môn và gửi về văn phòng khoa, phòng đào tạo chậm nhất là sau một tuần sau khi kết thúc chấm thi học phần.

Những HS thuộc đối tượng sau được dự thi ở kỳ lần 2:

- Có điểm HP dưới 5 hoặc điểm bài thi kết thúc HP dưới 4.
- HS đủ điều kiện dự thi nhưng chưa dự kỳ thi lần 1.
- HS không đủ ĐK dự thi ở kỳ thi lần 1 và đến trước kỳ thi lần 2 đã hoàn thành đủ ĐKDT kết thúc HP.

HS không đủ ĐKDT ở kỳ thi lần 1 phải gặp giảng viên dạy để nhận nội dung, kế hoạch cần bổ sung kiến thức theo quy định. Giảng viên kiểm tra kết quả thực hiện của HS và có ý kiến (bằng văn bản) về việc xét ĐKDT trước mỗi kỳ thi lần 2. HS nghỉ quá 50% số tiết quy định thì không được dự kỳ thi lần 1, lần 2 phải học lại để xét ĐKDT theo quy định.

HS được coi là vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi kết thúc HP trong trường hợp HS có giấy xin nghỉ học vì lý do ốm đau, tai nạn... được khoa xác nhận, trưởng phòng Đào tạo đồng ý trước hoặc ngay sau buổi thi HP đó.

Trong trường hợp cả 2 lần thi mà điểm HP vẫn dưới 5 thì HS phải đăng ký với khoa, học lại HP này với các khoá sau (với ĐK không trùng thời gian học, HS làm đơn, khoa xét và tập hợp danh sách báo cáo Hiệu trưởng qua phòng đào tạo) hoặc đăng ký học vào kỳ hè (nếu có) số lần được dự thi theo quy định như đối với HP mới.

6. Học sinh được quyền làm đơn xin phúc khảo về điểm thi kết thúc học phần đối với những môn thi viết tự luận, thời gian xin phúc khảo sau 15 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi kết thúc học phần. Hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức phúc khảo và công bố kết quả phúc khảo cho học sinh.

Điều 11. Cách tính điểm kiểm tra, điểm thi, điểm trung bình chung và xếp loại kết quả học tập

1. Điểm đánh giá bộ phận (bao gồm điểm kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ), điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 và làm tròn đến phần nguyên.

2. Điểm đánh giá học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân.

3. Điểm trung bình chung học tập của mỗi học kỳ, mỗi năm học, khoá học là trung bình cộng các điểm học phần trong mỗi học kỳ, mỗi năm học và cả khoá học theo hệ số của từng học phần và được lấy đến một chữ số thập phân sau khi đó làm tròn.

Hệ số của học phần tự thuộc số học trính của mỗi học phần. Mỗi đơn vị học trính tương ứng với một hệ số.

4. Điểm học phần, điểm trung bình chung học tập để xét cấp học bổng, xét khen thưởng cho học sinh chỉ được tính kết quả điểm thi kết thúc học phần lần thứ

nhất. Điểm học phần và điểm trung bình chung học tập để xét học sinh được học tiếp, tạm ngừng tiến độ học, bị buộc thôi học và xét tốt nghiệp được tính theo điểm cao nhất trong các lần thi kết thúc học phần.

5. Xếp loại kết quả học tập:

a) Điểm trung bình chung học tập là căn cứ để xếp loại học tập của học sinh, cụ thể:

- Loại Xuất sắc: từ 9,0 đến 10
- Loại Giỏi: từ 8,0 đến 8,9
- Loại Khá: từ 7,0 đến 7,9
- Loại Trung bình khá: từ 6,0 đến 6,9
- Loại Trung bình: từ 5,0 đến 5,9
- Loại Yếu: từ 4,0 đến 4,9
- Loại Kém: dưới 4,0

b) Học sinh có điểm trung bình chung học tập xếp từ loại khá trở lên bị hạ xuống một bậc nếu có từ 20% trở lên số học phần có điểm dưới 5,0 ở lần thi thứ nhất.

Điều 12. Điều kiện dự thi tốt nghiệp

1. Học sinh được dự thi tốt nghiệp nếu có các điều kiện sau đây:

a) Đủ tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình đào tạo, không còn học phần bị điểm dưới 5,0;

b) Không đang trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, tống ở thời điểm xét điều kiện dự thi tốt nghiệp.

2. Học sinh không được dự thi tốt nghiệp do không đảm bảo điều kiện quy định tại điểm a, khoản 1 của Điều này, nếu có điểm trung bình chung học tập của năm học cuối khóa không nhỏ hơn 4,0, điểm trung bình chung học tập toàn khóa không nhỏ hơn 4,5 và thời gian học tập tại trường của học sinh vẫn đảm bảo theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 của quy chế này thì Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho học sinh được học lại các học phần chưa đạt yêu cầu rồi xét điều kiện dự thi tốt nghiệp. Nếu học sinh đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp thì được dự thi trong các kỳ thi tốt nghiệp tiếp sau. Thời gian và kế hoạch học lại, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp và thi tốt nghiệp do Hiệu trưởng quyết định.

3. Trước khi tổ chức thi tốt nghiệp, Hiệu trưởng thành lập hội đồng xét điều kiện dự thi tốt nghiệp cho học sinh cuối khóa. Thành phần, số lượng của hội đồng do Hiệu trưởng quy định.

Điều 12. Điều kiện dự thi tốt nghiệp

1. Học sinh được dự thi tốt nghiệp nếu có các điều kiện sau đây:

a) *Đó tích lũy đủ số học phân quy định cho chương trình đào tạo, không cũn học phần bị điểm dưới 5,0;*

b) *Không đang trong thời gian bị kỷ luật từ mức đõnh chỉ học tập cú thời hạn trở lờn hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hõnh sự, tónh ở thời điểm xét điều kiện dự thi tốt nghiệp.*

Điểm thực tập tốt nghiệp được tính như một HP là một trong những điều kiện để xét ĐKDT tốt nghiệp. Các khoa cần căn cứ vào tính chất ngành nghề đào tạo, thời gian TTTN của khoá học quy chuẩn, đề nghị phương pháp đánh giá, xác định số ĐVHT để tính điểm TTTN theo từng ngành nghề đào tạo.

Điều 13. Các môn thi tốt nghiệp

1. Mục thi tốt nghiệp bao gồm: Chính trị, Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp, Thực hành nghề nghiệp.

2. Đối với hệ đào tạo mà đối tượng tuyển sinh là học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở thờ ngoài ba mục thi tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này, học sinh phải thi thêm ba môn văn hóa. Hiệu trưởng nhà trường quy định các môn thi, thời gian tổ chức thi các môn văn hóa và thông báo công khai từ đầu khoá học.

3. Nội dung cõc mục thi tốt nghiệp:

a) Nội dung thi tốt nghiệp môn chính trị là những kiến thức trong nội dung chương trình mục chính trị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Nội dung thi tốt nghiệp mục lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp là những kiến thức được tổng hợp từ một số học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức cơ sở và chuyên môn trong chương trình đào tạo;

c) Nội dung thi tốt nghiệp môn thực hành nghề nghiệp là những kỹ năng thực hành nghề nghiệp cơ bản, chuyên sâu được tổng hợp từ một số học phần bắt buộc thuộc phần kỹ năng chuyên môn trong chương trình đào tạo;

d) Nội dung thi tốt nghiệp các môn văn hóa là những kiến thức cơ bản được tổng hợp từ một số học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức các môn văn hóa trong chương trình theo quy định.

4. Hiệu trưởng quy định cụ thể nội dung và khối lượng (tính bằng đơn vị học trõnh) của cõc nội dung ụn tập, thời gian ụn tập, thời gian thi đối với từng môn thi tốt nghiệp phù hợp với chương trình đào tạo và công bố vào đầu học kỳ cuối cùng của khoá học.

Điều 13. Các môn thi tốt nghiệp :

1. Các khoá đào tạo TCCN không phân biệt hệ tuyển đều tổ chức thi tốt nghiệp 3 môn : Chính trị, Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp, Thực hành nghề nghiệp.

2. Các khoa có đào tạo bậc TCCN cần căn cứ vào nội dung kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp cơ bản, chuyên sâu của ngành hoặc chuyên ngành đào tạo, rà soát lại chương trình đào tạo các ngành học để đề xuất :

- Các môn thi tốt nghiệp ;
- Hình thức thi (viết, vấn đáp, thực hành...);
- Thời gian thi cho mỗi môn ứng với từng hình thức thi.

Và quy định cụ thể nội dung, khối lượng (tính bằng đơn vị học trình) của các nội dung ụn tập, thời gian ụn tập, thời gian thi đối với từng môn thi tốt nghiệp phù hợp với chương trình đào tạo và công bố vào đầu học kỳ cuối cùng của khoá học.

Các điều khoản khác thực hiện theo quy chế.

III. Tổ chức thực hiện :

Các khoa có đào tạo TCCN nghiên cứu Quy chế Đào tạo TCCN hệ chính quy (Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2007/QĐ-BGD-ĐT ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và văn bản hướng dẫn này để triển khai thực hiện. Chậm nhất ngày 20/10/2007 các khoa có văn bản báo cáo nhà trường về môn thi HP (tính cả TTTN), số lượng ĐVHT của từng HP thi, môn tốt nghiệp... Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc, phản ánh về BGH (qua phòng Đào tạo).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Văn Trường

Điều 14. Hội đồng thi tốt nghiệp

1. Trước kỳ thi tốt nghiệp ít nhất là hai tuần, Hiệu trưởng phải lập xong kế hoạch tổ chức thi tốt nghiệp, quyết định thành lập hội đồng thi tốt nghiệp và gửi báo cáo kèm theo quyết định nói trên cho cơ quan quản lý trường, sở giáo dục và đào tạo địa phương.

2. Thành phần của hội đồng thi tốt nghiệp bao gồm:

- a) Chủ tịch hội đồng là Hiệu trưởng hoặc phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo ;
- b) Phó chủ tịch hội đồng là phó Hiệu trưởng hoặc trưởng phòng đào tạo;
- c) Ủy viên thư ký là trưởng phòng hoặc phó trưởng phòng đào tạo;
- d) Các ủy viên gồm các trưởng khoa, trưởng phòng, tổ trưởng bộ môn và các thành phần khác do Hiệu trưởng quyết định.

3. Nhiệm vụ của Hội đồng thi tốt nghiệp:

a) Giúp Hiệu trưởng tổ chức, chỉ đạo kỳ thi tốt nghiệp theo các quy định tại Quy chế này và kế hoạch của Hiệu trưởng;

b) Quyết định thành lập các ban giúp việc cho hội đồng thi tốt nghiệp, gồm ban thư ký, ban đề thi, ban coi thi, ban chấm thi. Các ban này chịu sự chỉ đạo trực tiếp của chủ tịch Hội đồng thi tốt nghiệp.

- Ban thư ký do ủy viên thư ký hội đồng làm trưởng ban;

- Ban đề thi do chủ tịch hoặc phó chủ tịch hội đồng kiêm nhiệm làm trưởng ban. Ban đề thi gồm các tiểu ban, mỗi môn thi do một tiểu ban phụ trách. Số lượng mỗi tiểu ban không quá 3 người, trong đó có một người làm trưởng tiểu ban;

- Ban coi thi do chủ tịch hoặc phó chủ tịch hội đồng kiêm nhiệm làm trưởng ban;

- Ban chấm thi do chủ tịch hoặc phó chủ tịch hội đồng kiêm nhiệm làm trưởng ban. Ban chấm thi gồm các tiểu ban, mỗi tiểu ban phụ trách chấm một môn thi tốt nghiệp. Số lượng người trong mỗi tiểu ban tùy theo số lượng bài thi của môn thi và Chủ tịch hội đồng thi tốt nghiệp quyết định. Mỗi tiểu ban có tối thiểu 3 người, trong đó có một người làm trưởng tiểu ban;

c) Phõn cụng tổ chức và theo dừi kỳ thi, bảo đảm thực hiện nội quy và xử lý cõc trường hõp vi phạm nội quy theo quy định tại Điều 20 của Quy chế này.

d) Xét duyệt kết quả thi tốt nghiệp và giải quyết các đơn khiếu nại (nếu có); trõnh Hiệu trưởng danh sách học sinh đợc công nhận tốt nghiệp, danh sách học sinh không đợc công nhận tốt nghiệp.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Hiệu trưởng.

4. Thường trực hội đồng thi tốt nghiệp gồm chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng và ủy viên thư ký. Thường trực hội đồng có các nhiệm vụ sau:

a) Chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu cần thiết cho các phiên họp toàn thể hội đồng;

b) Giải quyết các công việc giữa hai kỳ họp của hội đồng theo đúng quy chế, và báo cáo kết quả công việc với hội đồng trong phiên họp tiếp theo;

c) Tập họp và phõn loại kết quả thi tốt nghiệp và trõnh bày trước hội đồng để xét công nhận tốt nghiệp.

5. Hội đồng phải có lịch họp toàn thể trong thời gian chỉ đạo và tổ chức kỳ thi, quy định rừ nội dung từng phiên họp, mỗi phiên họp đều phải có biên bản. Các kiến nghị của hội đồng và biên bản trong các phiên họp đều phải có chữ ký của chủ tịch hội đồng và ủy viên thư ký để trõnh Hiệu trưởng.

6. Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của các ban giúp việc cho hội đồng thi tốt nghiệp do chủ tịch hội đồng quy định.

Điều 15. Coi thi tốt nghiệp

1. Hội đồng thi tốt nghiệp xây dựng kế hoạch và tổ chức phương án coi thi, chuẩn bị chu đáo mọi điều kiện cho công tác coi thi, đảm bảo sự quản lý chặt chẽ, nghiêm túc ở tất cả các khâu trong quá trình coi thi.

2. Phổ biến nội quy thi đến từng cán bộ coi thi và thí sinh dự thi. Niêm yết đầy đủ, công khai những thông tin cần thiết về thi tốt nghiệp.

3. Đảm bảo mỗi phòng thi phải có hai cán bộ coi thi. Tuy điều kiện về phòng thi, bố trí số lượng cán bộ giám sát phòng thi cho phù hợp đồng thời đảm bảo được yêu cầu của nhiệm vụ coi thi.

Điều 16. Chấm thi tốt nghiệp

1. Thang điểm chấm thi tốt nghiệp là thang điểm 10, các ý nhỏ được chấm đến 0.25 điểm. Nếu điểm toàn bài có điểm lẻ là 0.25 thì quy tròn thành 0.5, có điểm lẻ là 0.75 thì quy tròn là 1.0. Nếu chấm theo thang điểm khác với thang điểm 10 thì sau khi chấm xong phải quy đổi về thang điểm 10. Việc quy đổi phải được Hiệu trưởng quyết định và thông báo công khai từ trước khi chấm thi.

2. Hiệu trưởng quy định quy trình chấm thi theo nguyên tắc:

a) Tất cả các bài thi viết phải được rọc phách trước khi chấm;

b) Chấm thi viết (tự luận) phải do hai giáo viên thực hiện theo quy trình chấm hai vừng độc lập, sau đó thống nhất kết quả chấm cho từng bài thi;

c) Chấm thi vấn đáp và thực hành phải đảm bảo có hai giáo viên tham gia đối với mỗi bài thi. Sau khi chấm phải thống nhất điểm từng bài thi. Trường hợp hai người chấm không thống nhất được điểm bài thi phải lập biên bản báo cáo với trường tiểu ban, trường ban chấm thi quyết định biện pháp xử lý.

3. Học sinh có quyền làm đơn xin phúc khảo về điểm thi tốt nghiệp đối với những môn thi viết tự luận, thời gian xin phúc khảo sau 15 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi tốt nghiệp. Hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức phúc khảo và công bố kết quả phúc khảo cho học sinh.

Trường hợp có đơn xin phúc khảo thì việc tổ chức chấm phúc khảo phải tiến hành quy trình chấm phúc khảo theo quy định của Quy chế tuyển sinh trung cấp chuyên nghiệp hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Chương IV

ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP, XẾP LOẠI VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

Điều 17. Điều kiện công nhận tốt nghiệp

1. Những học sinh có các điều kiện sau thì được công nhận tốt nghiệp:

a) Điểm trung bình các môn thi tốt nghiệp (ĐTB_{TN}) đạt từ 5,0 trở lên (Điểm trung bình các môn thi tốt nghiệp là trung bình cộng các điểm thi tốt nghiệp);

b) Tối đa chỉ một môn thi tốt nghiệp có điểm thi dưới 5,0 nhưng không được thấp hơn 4,5;

c) Cho đến thời điểm xét công nhận tốt nghiệp, học sinh không bị truy cứu trách nhiệm hỡnh sự hoặc khụng bị kỷ luật từ mức đỡnh chỉ học tập trở lờn.

2. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những học sinh đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Những học sinh không đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp do không đạt các yêu cầu về điểm thi tốt nghiệp quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này hoặc vỡ lý do đặc biệt không dự thi đủ các môn học, được nhà trường tổ chức thi lại những môn chưa đạt yêu cầu trong thời gian từ 3 đến 6 tháng kể từ ngày trường công bố kết quả thi tốt nghiệp. Nội dung thi, hỡnh thức thi, ra đề thi, tổ chức thi, chấm thi, xét và công nhận tốt nghiệp cho những học sinh này được thực hiện như kỳ thi tốt nghiệp chính thức và do Hiệu trưởng quy định.

4. Những học sinh không đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp do bị truy cứu trách nhiệm hỡnh sự hoặc bị kỷ luật từ mức đỡnh chỉ học tập trở lờn, tónh đến thời điểm xét công nhận tốt nghiệp thỡ hoón cụng nhận tốt nghiệp. Tùy theo mức độ vi phạm, thời gian hoón cụng nhận tốt nghiệp ớt nhất từ 6 thng trở lờn và do Hiệu trưởng quyết định. Trong khoảng thời gian đó, nếu học sinh được chính quyền địa phương nơi cư trú và cơ quan, tổ chức nơi làm việc (nếu có) xác nhận có ý thức tu dưỡng rèn luyện tốt thỡ được xét công nhận tốt nghiệp.

Điều 18. Xếp loại tốt nghiệp

1. Điểm xếp loại tốt nghiệp (ĐXL_{TN}) là trung bình cộng của điểm trung bình chung toàn khóa (ĐTBC_{TK}) và điểm trung bình các môn thi tốt nghiệp (ĐTB_{TN}).

$$\text{ĐXL}_{TN} = \frac{\text{ĐTBC}_{TK} + \text{ĐTB}_{TN}}{2}$$

Điểm xếp loại tốt nghiệp lấy đến một chữ số thập phân sau khi đó làm tròn.

2. Xếp loại tốt nghiệp được thực hiện như sau:

TT	Điểm xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp
1	Từ 9,0 đến 10 điểm	Xuất sắc
2	Từ 8,0 đến 8,9 điểm	Giỏi
3	Từ 7,0 đến 7,9 điểm	Khỏ
4	Từ 6,0 đến 6,9 điểm	Trung bình khỏ

5	Từ 5,0 đến 5,9 điểm	Trung bình
---	---------------------	------------

3. Những học sinh xếp loại tốt nghiệp từ loại khá trở lên sẽ bị giảm đi một mức nếu vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Cú tổng số học trỡnh của còc học phỏn phải thi lại vựt quỏ 10% so vớ tởng số đon vị học trỡnh quy đnh cho toỏn khoá học;

b) Đỏ bị kỷ luật trong thời gian học từ mức cảnh cỏ trở lờn.

4. Những học sinh thi lại tốt nghiệp nếu đạt yêu cầu chỉ đợc xếp loại trung bình.

Điờu 19. Cấp bằng tốt nghiệp, quản lý và lưu trữ hồ sơ tốt nghiệp

1. Bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp đợc cấp theo ngành đào tạo. Bằng tốt nghiệp chỉ đợc cấp cho học sinh khi đó ghi đầy đủ, chính xác các nội dung trên phôi bằng theo quy đnh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Học sinh chưa tốt nghiệp đợc cấp giấy chứng nhận kết quả học tập các học phần đó học trong chương trỡnh đào tạo của trường.

3. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức lễ trao bằng tốt nghiệp cho học sinh đợc công nhận tốt nghiệp. Lễ trao bằng tốt nghiệp đợc tổ chức chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày Hiệu trưởng ký quyết đnh công nhận tốt nghiệp.

4. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm quản lý, lưu trữ hồ sơ tốt nghiệp, gửi quyết đnh kèm theo danh sách công nhận tốt nghiệp về cơ quan quản lý trường và Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thời gian gửi chậm nhất là sau 15 ngày kể từ ngày ký quyết đnh công nhận tốt nghiệp.

5. Hồ sơ lưu trữ bao gồm:

a) Quyết đnh công nhận tốt nghiệp;

b) Danh sách học sinh dự thi tốt nghiệp (những học sinh chưa tốt nghiệp từ các khoá trước về dự thi lại thờ lập thành danh sách riêng);

c) Danh sách học sinh không đợc dự thi tốt nghiệp ;

d) Danh sách học sinh đợc công nhận tốt nghiệp và xếp loại tốt nghiệp, trong đó có các cột ghi kết quả điểm các môn thi tốt nghiệp, điểm trung bình chung toàn khóa (ĐTBC_{TK}), điểm trung bình còc mụn thi tốt nghiệp (ĐTB_{TN}) và điểm xếp loại tốt nghiệp (ĐXL_{TN});

đ) Danh sách học sinh chưa tốt nghiệp (kể cả hoỏn cụng nhận tốt nghiệp);

Các tài liệu quy đnh tại khoản 5 Điờu này phải đợc lưu trữ, bảo quản theo quy đnh hiện hành.

Chương V
XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 20. Xử lý kỷ luật đối với học sinh vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Trong khi kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp (sau đây gọi tắt là thi, kiểm tra) nếu vi phạm quy chế, học sinh sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đó vi phạm.

2. Học sinh thi hộ hoặc nhờ người thi hộ sẽ bị đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và bị buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với học sinh vi phạm như sau:

a) Khiển trách và cho tiếp tục làm bài nhưng trừ 25% điểm bài thi hoặc bài kiểm tra.

b) Cảnh cáo và cho tiếp tục làm bài nhưng trừ 50% điểm bài thi hoặc bài kiểm tra.

c) Đình chỉ làm bài thi, bài kiểm tra và bài thi, bài kiểm tra buổi đó phải nhận điểm 0.

d) Riêng đối với thi tốt nghiệp, ngoài các hình thức xử lý nêu trên, tùy theo mức độ vi phạm có thể xử lý ở mức đình chỉ thi đối với môn thi đó vi phạm và cấm mụn thi cũn lại. Những mụn thi bị đình chỉ đều phải nhận điểm 0.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bành Tiến Long